BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2018-2019

LỚP D15KX2 - GVCV : VÕ LÊ DUY KHÁNH

2	mã số	Họ và	tên	TC1 (0-:-20)				TC2 (0-:-25)		TC3 (0-:-20)		TC4 (0-:-25)		TC5 (0-:-10)						HM	BHYT	TỔNG ĐIỂM				GHI CHÚ
				lớp	khoa	ht	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	hsv	Đoan TN	khoa (phụ trách lớp, ĐTN, HSV)	khoa (HĐ phong trào)	khoa (HĐ học thuật)	5đ	-10	lớp	x.loại	khoa	x.loại	
1	15DQ5803010047	Nguyễn Thị Mộng	Cầm	3	3	10	13	25	25	13	13	17	17	5	1		10	5				63	TB	**83**	Tốt	
2	15DQ5803010048	Nguyễn Thị Phươn	Đài	3	3	12	15	25	25	15	17	19	19	5	0		10	5				67	Khá	**91**	XS	P. BT, CHP,
3	15DQ5803010049	Nguyễn Văn	Độ	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17		1		2					57	TB	**57**	TB	
4	15DQ5803010050	Trần Kỳ	Duyên	3	3	8	11	25	25	10	10	17	17		0		2					55	TB	**65**	Khá	
5	15DQ5803010051	Lê Thị Hương	Giang	3	3	10	13	25	25	12	12	17	17	10	0		10					67	Khá	**77**	Khá	LET,
6	15DQ5803010052	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	3	3	8	11	25	25	10	10	17	17		0		4					55	TB	**67**	Khá	
7	15DQ5803010053	Nguyễn Thị	Hệ	3	3	10	13	25	15	11	11	17	17		0		4					56	TB	**60**	TB	
8	15DQ5803010054	Nguyễn Đình	Hoàng	3	3	8	11	25	25	12	12	17	17		1		4					57	TB	**69**	Khá	
9	15DQ5803010055	Võ Kim	Hùng	3	3	8	11	25	15	11	11	17	17		1		2					56	TB	**56**	TB	
10	15DQ5803010066	Đặng Thị Thu	Thảo	3	3	8	11	25	25	13	13	17	17		0		4					58	TB	**70**	Khá	
11	15DQ5803010068	Phạm Lê Ngọc	Thịnh	3	3	10	13	25	15	14	14	17	17		2		9					59	TB	**68**	Khá	
12	15DQ5803010070	Nguyễn Thị Anh	Thư	3	3	10	13	25	25	13	13	17	17		0		4					58	TB	**72**	Khá	
13	15DQ5803010071	Lê Thị Thanh	Thúy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0		0					0	Kém	**0**	Kém	
14	15DQ5803010072	Đặng Thị Bích	Trâm	3	3	10	13	25	25	12	12	17	17		1		5					57	TB	**72**	Khá	
15	15DQ5803010074	Đỗ Ngọc Minh	Trang	3	3	10	13	25	25	11	11	17	17		1		5					56	TB	**71**	Khá	
16	15DQ5803010075	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3	3	10	13	25	25	11	11	17	17	5	1		10					61	TB	**76**	Khá	
17	15DQ5803010078	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	3	3	8	11	25	25	13	13	17	17	10	0		10					68	Khá	**76**	Khá	LET,
18	15DQ5803010079	Phạm Thị Mỹ	Xuân	3	3	10	13	25	25	15	15	17	17		1		8					60	TB	**78**	Khá	
19	15DQ5803010081	Trương Văn	Cường	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17		1		3					57	TB	**58**	TB	
20	15DQ5803010082	Duy Trần Thúy	Vy	3	3	10	13	25	25	15	15	17	17	5	2		10					65	Khá	**80**	Tốt	UVCH,
21	15DQ5803010084	Nguyễn Thị Mỹ	Sâm	3	3	8	11	25	25	13	13	17	17		0		7					58	TB	**73**	Khá	
22	15DQ5803010085	Huỳnh Thị Phương	Thảo	3	3	8	11	25	15	13	13	17	17		1		7					58	TB	**63**	TB	
23	15DQ5803010086	Nguyễn Thị So	Ni	3	3	8	11	25	25	10	10	17	17		0		3					55	TB	**66**	Khá	
24	15DQ5803010106	Nguyễn Thị Linh	Chi	3	3	8	11	25	25	12	12	17	17		0		4					57	TB	**69**	Khá	
25	15DQ5803010107	Nguyễn Thị Kim	Cúc	3	3	10	13	25	15	13	13	17	17		0		5					58	TB	**63**	TB	
26	15DQ5803010108	Nguyễn Hải	Đăng	3	3	10	13	25	25	11	11	17	17		0		1					56	TB	**67**	Khá	
2	15DQ5803010109	Nguyễn Văn	Diên	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17		1		1					57	TB	**56**	TB	
28	15DQ5803010111	Phan Ngọc	Đương	3	3	12	15	25	25	16	16	25	25	15	2		10	7				84	Tốt	**98**	XS	BT, P. CT HOI,
29	15DQ5803010120	Lê Quang	Phú	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17		1		9					57	TB	**64**	TB	UV,
30	15DQ5803010122	Nguyễn Thị Huyền	Trang	3	3	10	13	25	25	11	11	17	17		1		6			5		56	TB	**77**	Khá	HS,
31	15DQ5803010123	Đỗ Kiều Quỳnh	Trúc	3	3	12	15	25	25	14	14	17	17		2		10		7			59	TB	**88**	Tốt	lpht,
32	15DQ5803010124	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	3	3	10	13	25	15	12	12	17	17		1		5					57	TB	**62**	TB	
33	15DQ5803010126	Lương Thị Như	Tuyền	3	3	10	13	25	25	13	13	17	17		1		4					58	TB	**72**	Khá	
34	15DQ5803010131	Châu Văn	Tường	3	3	10	13	25	25	15	15	17	17		0		10					60	TB	**80**	Tốt	lt,
35	15DQ5803010132	Huỳnh Thị Hồng	Quỳnh	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17	8	0		4					65	Khá	**59**	TB	
36	15DQ5803010135	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	3	3	12	15	25	25	12	13	19	17	5	2		10	3		5		64	TB	**88**	Tốt	PCN,
37	15DQ5803010136	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	3	3	12	15	25	25	14	14	17	17		1		10			5		59	TB	**86**	Tốt	PBT, HS,
38	15DQ5803010137	Nguyễn Thị Kim	Sự	3	3	10	13	25	25	13	13	17	17		1		6					58	TB	**74**	Khá	
39	15DQ5803010138	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	3	3	10	13	25	25	12	12	17	17		1		8					57	TB	**75**	Khá	
40	15DQ5803010057	Nguyễn Thị	Luyến	3	3	10	13	25	25	12	12	17	17		1		6					57	TB	**73**	Khá	
41	15DQ5803010058	Lê Trần Dạ	Ly	3	3	10	13	25	25	11	11	17	17		0		3					56	TB	**69**	Khá	
42	15DQ5803010059	Nguyễn Xuân	Lý	3	3	8	11	25	15	12	12	17	17		1		2					57	TB	**57**	TB	
43	15DQ5803010116	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	3	3	10	13	25	15	12	12	17	17	5	0		10			5		62	TB	**72**	Khá	
44	15DQ5803010060	Nguyễn Ngọc Phươ	Nghi	3	3	10	13	25	25	16	16	17	17		3		10					61	TB	**81**	Tốt	LCHP, CHT,
45	15DQ5803010117	Hồ Thị	Nguyệt	3	3	12	15	25	25	13	13	17	17		2		8					58	TB	**78**	Khá	
46	15DQ5803010083	Bùi Thị Ngọc	Nhi	3	3	8	11	25	25	10	10	17	17		0		4					55	TB	**67**	Khá	
47	15DQ5803010062	Đặng Thị	Nhi	3	3	8	11	25	25	10	10	17	17		0		2					55	TB	**65**	Khá	
48	15DQ5803010118	Phạm Yến	Nhi	3	3	10	13	25	15	11	11	17	17		0		4					56	TB	**60**	TB	
49	15DQ5803010119	Huỳnh Thị Thảo	Như	3	3	10	13	25	25	15	15	25	17		1		10					68	Khá	**80**	Tốt	
50	15DQ5803010063	Võ Thị Hồng	Nhung	3	3	10	13	25	25	12	12	17	17		1		8					57	TB	**75**	Khá	

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm Khoa

BẢN TỔNG HỢP

XL	XS	Tốt	Khá	TBK	TB	Yếu	Kém	TC
SL	2	8	27	0	12	0	1	50
%	4.0	16.0	54.0	0.0	24.0	0.0	2.0	100

Người lập

Trần Thị Quỳnh Như

Lê Thị Ngọc Thảo